

Bản án số: 648/2024/HC-PT

Ngày 25 tháng 6 năm 2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong việc thu hồi đất, bồi thường,
hỗ trợ tái định cư và quyết định giải
quyết khiếu nại*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh

Ông Dương Anh Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 1120/2023/TLPT-HC ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư và quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1538/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A, tổ C, khu phố H, đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Ngô Quang T, sinh năm 1953; địa chỉ: A Cư xá L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Võ Văn T1, Công ty L2, Đoàn Luật sư Thành phố H; vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2. **Người bị kiện:**

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; địa chỉ: Trung tâm hành chính tỉnh B, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B: Ông Mai Hùng D – Phó Chủ tịch; vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Số A đường Q, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2.3. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Số A đường Q, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T: Ông Võ Chí T2 – Phó Chủ tịch; vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Nhật L1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số A, tổ C, khu phố H, đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Huỳnh Thị L.

Phiên tòa được tiến hành tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm là phòng xử án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

1. Tại điểm cầu trung tâm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ

- Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh

Ông Dương Anh Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

2. Tại điểm cầu thành phần: Các đương sự trong vụ án nhưng vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 29/12/2022, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/4/2023 và Bản tự khai ngày 22/7/2023, và quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị L trình bày:

Hộ ông Huỳnh Văn V (cha bà Huỳnh Thị L) được cấp quyền sử dụng đất diện tích 3.283m² thuộc thửa 92, tờ bản đồ 6 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00235 QSDĐ/PM ngày 14/5/1999.

Ngày 24/8/2006, ông V và các thành viên trong gia đình gồm các ông, bà Phạm Thị H, Huỳnh Thanh Q, Huỳnh Thanh N, Huỳnh Thị H1 ký hợp đồng tặng cho bà Huỳnh Thị L diện tích 316,5m² thuộc thửa 92, tờ bản đồ 06. Ngày 30/10/2006, bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: H17474 (diện tích 316,5m²; thửa mới 668).

Năm 2020, UBND thành phố T tiến hành thu hồi lập biên bản đo đạc kiểm đếm và thu hồi đất, bồi thường đất và tài sản trên đất để làm vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường H. Theo kết quả đo đạc, thực tế đất bà L đang quản lý mà UBND thành phố lấy làm dự án diện tích là 24m², giá thị trường đối với đất mặt tiền đường Huỳnh Văn L1 là 55.000.000 đồng/m². Tuy nhiên, tại Quyết định số 3790/QĐ-UBND ngày 22/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố T chỉ thu hồi của bà L diện tích đất 3,5m² (thuộc thửa đất số 668) và Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ, tái định cư chỉ bồi thường cho bà L 3,5m² với giá 23.780.000 đồng/m² là không đúng thực tế về diện tích và giá đất, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà L; do đó, bà L khiếu nại.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 6043/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã bác đơn khiếu nại của bà L. Không đồng ý, bà Liên tiếp t khiếu nại.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ hai số 3139/QĐ-UBND ngày 28/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B tiếp tục bác đơn khiếu nại của bà L và giữ nguyên nội dung Quyết định 6043/QĐ-UBND ngày 31/12/2021. Do đó, bà L khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 3139/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B;
- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 6043/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Hủy Quyết định số 3790/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất diện tích 3,5m² (thuộc thửa đất số 668) của bà Huỳnh Thị L;
- Hủy Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ, tái định cư cho cá nhân người bị thu hồi đất.

Đồng thời, buộc UBND thành phố T thực hiện đúng việc thu hồi đất của bà L diện tích 24m² và bồi thường giá đất đúng thực tế là 55.000.000 đồng/m².

Theo Văn bản số 2228/UBND-VP ngày 10/7/2023, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T và UBND thành phố T có yêu cầu vắng mặt suốt quá trình tố tụng và trình bày ý kiến như sau:

1. Về Quyết định thu hồi đất số 3790/QĐ-UBND, Quyết định phê duyệt Phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố:

Ngày 17/5/2001, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1629/QĐ-CT về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình: Nâng cấp mở rộng đường Đ (nay là đường H) từ Km 5+000 (vị trí từ đường T) đến K+258), có nội dung: “Phương án giải phóng mặt bằng bảo đảm đủ mặt bằng xây dựng công trình tính từ tim đường thiết kế giải tỏa mỗi bên 9m, không tính chi phí đền bù về đất” và “Thiết kế sơ bộ phần đường: Nền đường 10m (trong đó mặt đường rộng 7m; lề đường rộng 1,5m x 2 bên”.

UBND tỉnh B đã ban hành Thông báo số 165/TB.UB ngày 16/7/2001, về việc giải phóng mặt bằng để thi công công trình và Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành

Quyết định số 5184/QĐ-CT ngày 29/10/2001 về việc đền bù thiệt hại về đất và tài sản trên đất, có nội dung: “Các đoạn đường bám theo tuyến cũ có phạm vi giải tỏa để mở rộng đường nằm trong HLBVĐB, không tính đền bù đất”.

Căn cứ Quyết định số 183/2003/QĐ-UBND ngày 17/7/2003 của UBND tỉnh thì HLBVĐB của dự án năm 2004 được xác định là 21m tính từ tim đường trở ra 02 bên, do chiều dài tuyến được phê duyệt có khoảng cách nằm trong tuyến đường ĐT 742 đoạn từ Km3 + 500 (hết nội ô thị xã T) đến giáp ĐT 747 gần ngã ba C.

Tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 5241/QĐ-CT ngày 12/7/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh quy định phương án giải tỏa, di dời: “Giải tỏa từ tim đường ra mỗi bên 15m, phạm vi giải tỏa nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ nên không tính chi phí bồi thường về đất” và điểm c khoản 8 Điều 1 Quyết định số 5241/QĐ-CT ngày 12/7/2004 của UBND tỉnh thể hiện bề rộng nền đường Huỳnh Văn L1 là 24.0m (bề rộng mặt đường là 15m, bề rộng lề đường 2x4,5m).

Thực tế, việc bồi thường đã kết thúc hoàn tất hồ sơ vào năm 2004, không bồi thường về đất trong phạm vi giải tỏa 15m tính từ tim đường, do được xác định là đất HLBVĐB. Thời điểm này, phần lề đường chưa được thi công (trong đó có trường hợp của bà Huỳnh Thị L) nhưng phần lề đường 4m được trải sỏi đỏ, lu lèn; quá trình sử dụng từ năm 2004 đến nay một số hộ dân có hành vi lấn chiếm sử dụng trong phạm vi đất lề đường.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H17474 ngày 30/10/2006 cấp cho bà Huỳnh Thị L thể hiện: phần đường H đã thi công và chỉ giới đường đỏ tính từ tim đường không được công nhận trong giấy chứng nhận.

Thực hiện dự án Vía hè đường Huỳnh Văn L1, ngày 13/02/2020, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T lập Biên bản đo đạc, kiểm đếm số 51T/BBĐĐKĐ đối với đất và tài sản trên đất của bà Huỳnh Thị L.

Sau đó, UBND thành phố T ban hành các quyết định thu hồi đất và bồi thường tài sản trên đất của bà Huỳnh Thị L bằng các Quyết định số 3790/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 thu hồi đất diện tích 3,5m² (thuộc thửa đất số 668) của bà Huỳnh Thị L; Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 bồi thường diện tích 3,5m² với giá 23.780.000 đồng/m².

UBND thành phố T xác định 3,5m² đất của bà L bị thu hồi thuộc thửa đất số 668, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà L ngày 30/10/2006; diện tích đất còn lại thuộc hành lang, vĩa hè mà UBND tỉnh đã xác định tại các văn bản đã viện dẫn nêu trên và nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L năm 2006.

2. Về giá bồi thường: tại Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh về trình tự, thủ tục bồi thường hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Bình Dương: “Giá đất để tính bồi thường là giá đất cụ thể theo mục đích đang sử dụng của loại đất bị thu hồi, được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với từng dự án...”; Công văn số 3634/UBND-KTN ngày 07/8/2018 của UBND tỉnh về việc xử lý vấn đề liên quan đến bồi thường đất HLBVĐB cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Quyết định số 2824/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn giá đất để bồi thường thực hiện Dự án Vía hè, việc UBND thành phố T bồi

thường về đất cho bà Huỳnh Thị L theo đơn giá 23.780.000 đồng/m² là đúng quy định pháp luật.

3. Chủ tịch UBND thành phố T xác định việc thu hồi và bồi thường đất cho bà Huỳnh Thị L là đúng quy định của pháp luật nên đã ban hành Quyết định số 6043/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc bác đơn khiếu nại của bà L.

Theo Văn bản ngày 04/7/2023, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B có yêu cầu vắng mặt suốt quá trình tố tụng và trình bày ý kiến như sau:

Bà Huỳnh Thị L trình bày Quyết định thu hồi đất số 3790/QĐ-UBND ngày 22/12/2020, UBND thành phố T chỉ thu hồi 3,5m² đất của bà L là chưa đảm bảo quyền lợi của bà L; vì diện tích đất thực tế bị giải tỏa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H17474 ngày 30/10/2006 là 24m².

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) bác yêu cầu của bà L, với cơ sở như sau:

Dự án đầu tư Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 742 đoạn qua thành phố T (nay là đường H), giai đoạn thực hiện năm 2001 – 2004:

Quyết định số 1629/QĐ-CT ngày 17/5/2001, Quyết định số 5184/QĐ-CT ngày 29/10/2001, Quyết định số 5141/QĐ-CT ngày 12/7/2004, Quyết định số 7323/QĐ-CT ngày 30/9/2004 và Quyết định số 5184/QĐ-CT ngày 29/10/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh quy định về dự án mở rộng đường, hành lang đường bộ tính từ tim đường, giải tỏa bồi thường đất (đối với đường Đ, nay là Huỳnh Văn L1). Thực hiện dự án từ năm 2004, chủ đầu tư đã thực hiện giải tỏa đất tính từ tim đường ra 15m, phạm vi đường hiện hữu là từ tim đường ra mỗi bên 12m, bao gồm mặt đường 8m x 2 bên (16m) và lề đường 4m. Phần diện tích lề đường được thi công với kết cấu là trải sỏi đỏ, lu lèn nên trong quá trình sử dụng đất từ năm 2004 đến nay, ranh giới phần lề đường và đất liền kề của các hộ dân chưa rõ ràng, nhiều hộ dân tiếp tục sử dụng để buôn bán hoặc xây dựng công trình tạm trên phần đất lề đường.

Ngày 30/10/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3191/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án Vía hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường H.

Ngày 23/9/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2824/QĐ-UBND về việc phê duyệt đơn giá đất để bồi thường thực hiện Dự án Vía hè.

Tháng 12/2020, UBND thành phố T ban hành các Quyết định thu hồi đất của các hộ dân để thực hiện Dự án Vía hè.

Ngày 20/8/2021, Sở T1 có Công văn số 3061/STC-QLGS với nội dung thống nhất theo kiến nghị của UBND thành phố T tại Báo cáo số 264/BC-UBND nêu trên, đồng thời kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo UBND thành phố T thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

Ngày 30/8/2021, UBND tỉnh có Công văn số 4286/UBND-KT thống nhất ý kiến của Sở T1 và giao UBND thành phố T thực hiện theo nội dung Công văn số 3061/STC-QLGS của Sở T1.

Đối với đất của bà Huỳnh Thị L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H17474 ngày 30/10/2006, thửa đất số 668, tờ bản đồ 06; diện tích là 316,5m². Sơ đồ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện chỉ giới đường đỏ tính từ tim

đường là 15m (đường H ghi 16m, vỉa hè 04m). Theo Sơ đồ thu hồi đất do Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T xác lập ngày 23/6/2020, phần diện tích 3,5m² nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường bộ tính từ tìm đường Huỳnh Văn L1 vào 15m và được bồi thường theo giá đất nông nghiệp: 3,5m² x 23.780.000 đồng/m² = 83.230.000 đồng.

Quyết định thu hồi đất, bồi thường đất của UBND thành phố và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố T là đúng pháp luật; do đó, Chủ tịch UBND tỉnh B đã bác khiếu nại của bà L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 164, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 114 và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; khoản 10 Điều 22, khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và các Điều 14, 15, 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39 và 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L đối với Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 3790/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất của hộ bà Huỳnh Thị L tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

- Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Đầu tư vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (đợt 1) đối với phân liên quan đến hộ bà Huỳnh Thị L và yêu cầu nâng giá bồi thường đất với đơn giá 55.000.000 đồng/m²;

- Quyết định số 6043/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thị L (lần đầu);

- Quyết định số 3139/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thị L (lần hai) đối với Quyết định số 6043/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2023, người khởi kiện bà Huỳnh Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 3139/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 6043/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương; hủy Quyết định số 3790/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất diện tích 3,5m² (thuộc thửa đất số 668) của bà Huỳnh Thị L và Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ, tái định cư cho cá nhân người bị thu hồi đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Thị L đảm bảo về hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L là có căn cứ. Bà Huỳnh Thị L kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 22/9/2023, người khởi kiện là bà Huỳnh Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt đã được Tòa triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị L yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính: Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 3139/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B; Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 6043/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương; Quyết định số 3790/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất diện tích 3,5m² (thuộc thửa đất số 668) của bà Huỳnh Thị L; Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ, tái định cư cho cá nhân người bị thu hồi đất. Xét kháng cáo của bà L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với trình bày của các bên

đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì việc Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành các quyết định hành chính nêu trên là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung: Các Quyết định hành chính và các Quyết định giải quyết khiếu nại về việc thu hồi đất, bồi thường đất (nêu trên) mà bà L yêu cầu hủy có liên quan đến việc thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp và đầu tư vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng... đường ĐT 742 (nay là đường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương).

Để thực hiện dự án trên, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành các văn bản:

- Quyết định số 1629/QĐ-CT ngày 17/5/2001 về phương án giải phóng mặt bằng, giải tỏa mỗi bên 9m tính từ tim đường, không tính chi phí đền bù; Quyết định số 5184/QĐ-CT ngày 29/10/2001 có nội dung “Giải tỏa từ tim đường ra mỗi bên 15m, phạm vi giải tỏa nằm trong HLBVĐB nên không tính chi phí bồi thường về đất” và “bề rộng nền đường Huỳnh Văn L1 là 24m, gồm bề rộng mặt đường là 15m, bề rộng lề đường 2 x 4,5m”; kết cấu lề đường trái sỏi đỏ, lu lèn; Quyết định số 3191/QĐ-CT ngày 30/10/2019 về việc phê duyệt Dự án Vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường H; theo đó xác định chiều rộng mặt đường hiện hữu: 14-15m, bề rộng vỉa hè: 5m x 2 bên; Quyết định số 7323/QĐ-CT ngày 30/9/2004 về việc bồi thường đất và tài sản trên đất thuộc Dự án, áp dụng đơn giá bồi thường về đất và tài sản trên đất theo Quyết định số 5184/QĐ-CT ngày 29/10/2001, theo đó không tính đền bù về đất trong phạm vi giải tỏa thuộc HLBVĐB; Quyết định số 2824/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 về việc phê duyệt đơn giá đất để bồi thường thực hiện Dự án Đầu tư vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường H;

Ủy ban nhân dân thành Phố T ban hành:

- Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 của UBND thành phố T về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát đo đạc, kiểm đếm dự án Đầu tư, vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường H; Quyết định số 3790/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của bà Huỳnh Thị L; Quyết định 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ, tái định cư;

Nguồn gốc phần đất của bà Huỳnh Thị L là nhận tặng cho từ ông Huỳnh Văn V ngày 24/8/2006 và bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H17474 ngày 30/10/2006, diện tích 316,5m²; thuộc thửa 668, vị trí bản vẽ thửa đất số 668 giáp đường H, phần đất hành lang đường bộ tính từ tim đường ra 02 bên mỗi bên là 15m không được cấp cho người sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện thừa nhận toàn bộ diện tích người khởi kiện yêu cầu bồi thường 24m² nằm ngoài diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, người bị kiện không bồi thường đất cho bà L đối với diện tích đất không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Về giá bồi thường tại Quyết định số 3790/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T; đất nông nghiệp tính giá 23.780.000đồng/m². Diện tích đất cấp cho bà L 316,5m² (thửa số 668), bao gồm 50m² đất ở và 266,5m² đất nông nghiệp.

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần T2 và tư vấn xây dựng thời điểm tháng 05/2020; đất tiếp giáp đường H, đất nông nghiệp giá 23.780.000 đồng/m² và đất ở đô thị 38.000.000 đồng/m²; giá bồi thường này là cao hơn nhiều so với Bảng giá đất nông nghiệp do UBND tỉnh B ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 và Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 quy định hệ số điều chỉnh giá đất. Như vậy, người khởi kiện bị thu hồi quyền sử dụng 3,5m² đất thuộc hành lang đường bộ và được tính theo giá đất nông nghiệp (23.780.000đồng/m²) là phù hợp. Do đó, yêu cầu hủy Quyết định về bồi thường giá đất của bà L là không có căn cứ.

[2.4] Các Quyết định thu hồi đất (số 3790/QĐ-UBND ngày 22/12/2020) và bồi thường về đất (số 3790/QĐ-UBND ngày 22/12/2020) của UBND thành phố T đã phân tích tại mục 2.2 và 2.3 là đúng pháp luật. Khi giải quyết khiếu nại của bà L đối với các quyết định trên, người bị kiện đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định; do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc hủy Quyết định giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) số 6043/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T và Quyết định giải quyết đơn khiếu nại (lần hai) số 3139/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình thêm các tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, cần bác toàn bộ kháng cáo của bà Huỳnh Thị L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Áp dụng Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 114 và Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Luật khiếu nại năm 2011.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L đối với Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 3783/QĐ-UBND và 3786/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất của ông Huỳnh Văn L2 tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

- Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Đầu tư vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (đợt 1) đối với phần liên quan đến ông Huỳnh Văn L2 và yêu cầu nâng giá bồi thường đất với đơn giá 55.000.000 đồng/m²;

- Quyết định số 6043/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thị L (lần đầu);

- Quyết định số 3139/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thị L (lần hai) đối với Quyết định số 6043/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T.

3. Án phí phúc thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Huỳnh Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp (ông Võ Văn T nộp thay) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011679 ngày 28/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đức Thọ